

Preparative script paper - chinese exam Qian ZHAO (LingYun ZHAO, Pierre MADL)

亲爱的 宝贝 qi ¹ n ai ⁴ d(e) ba ³ o be ⁴ i	生词 sh(e ¹)ng c(i ²) new words
你好! 来 中国 以后, 没有 立刻 ni ³ ha ³ o! la ² i zho ¹ ng guo ² yi ¹ ho ⁴ u, me ² i yo ³ u li ⁴ k(e ⁴)
给你 写信, 请原谅. 身体 好吗? ge ³ i ni ³ xie ³ xi ⁴ n, qi ³ ng yua ⁴ n lia ⁴ ng. sh(e ¹)n ti ³ ha ³ o ma?
第一段 di ⁴ yi ¹ dua ⁴ n dua ⁴ n the section
从 萨尔茨堡 到 北京, 我们 坐 co ¹ ng sa ⁴ (e ³)r c(i ¹) ba ³ o da ⁴ o be ³ i ji ¹ ng, wo ³ m(e ²)n zuo ⁴
飞机 坐了 九个 多小时. fe ¹ i ji ¹ zuo ⁴ l(e) jiu ³ g(e) duo ¹ xia ³ o sh(i ²). shi ² za ⁴ i really k(e ³) ai ⁴ lovely
北京 实在是 一个 又大 又 可爱的 be ³ i ji ¹ ng shi ² za ⁴ i sh(i ⁴) yi ¹ g(e) yo ⁴ u da ⁴ yo ⁴ u k(e ³) ai ⁴ d(e) yo ⁴ u yo ⁴ u either or qi ¹ ta ¹ others
混乱: 它和其它的大 城市 有着 hu ⁴ n lua ⁴ n: ta ¹ h(e ²) qi ¹ ta ¹ d(e) da ⁴ ch(e ²)ng sh(i ⁴) yo ³ u zh(e) hu ⁴ n lua ⁴ n the chaos ji ¹ he, she, it, her , his, they
相同的 地方, 人们 友善 [就是 xia ¹ ng to ² ng d(e) di ⁴ fa ¹ ng, r(e ²)n m(e ²)n yo ³ u sha ⁴ n jiu ⁴ sh(i ⁴) xia ¹ ng to ² ng identical, alike yo ³ u sha ⁴ n friendly, sympathetic
不 怎么 有 耐心, 当然 也有 例外的]. bu ⁴ z(e ³)n m(e) yo ³ u na ⁴ i xi ¹ n, da ¹ ng ra ² n ye ⁴ yo ³ u li ⁴ wa ⁴ i d(e). na ⁴ i xi ¹ n the patience da ¹ ng ra ² n of course; w/o doubt li ⁴ wa ⁴ i the exception
街上 装 满 骑自行车的 人 jie ¹ sha ⁴ ng zhua ¹ ng ma ³ n qi ² z(i ⁴) xi ² ng ch(e ¹) d(e) r(e ²)n zhua ¹ ng ma ³ n filled, clogged
和 小 汽车, 天气 非常 干燥, h(e ²) xia ³ o qi ⁴ ch(e ¹), tia ¹ n qi ⁴ fe ¹ i cha ² ng ga ¹ n za ⁴ o, fe ¹ i cha ² ng extremely ga ¹ n za ⁴ o dry, arid
当然 污染 也 很 利害. da ¹ ng ra ² n wu ¹ ra ³ n ye ³ h(e ³)n li ⁴ ha ⁴ i. wu ¹ ra ³ n the pollution li ⁴ hai ⁴ terrible, horrible
刚开始 几天, 我 甚至 连 太阳 ga ¹ ng ka ¹ i sh(i ³) ji ³ tia ¹ n, wo ³ sh(e ⁴)n zh(i ⁴) lia ² n tai ⁴ ya ² ng ga ¹ ng just, exactly sh(e ⁴)n zhi ⁴ so far as to
都 没 见着, 尽管 天气 预报员 do ¹ u me ² i jia ⁴ n zhao ² , ji ⁴ n gua ³ n tia ¹ n qi ⁴ yu ⁴ ba ⁴ o yua ² n jia ⁴ n zhao ² [past tense] saw yu ⁴ ba ⁴ o yua ² n.... the forecaster ji ⁴ n gua ³ nalthough
说 天气 晴朗. shuo ¹ tia ¹ n qi ⁴ qi ² ng la ³ ng. qi ² ng la ³ ng fine, sunny qi ⁴ w(e ¹)n [air] temperature
现在 气温 从 无法 忍受的 摄氏 xia ⁴ n zai ⁴ qi ⁴ w(e ¹)n co ² ng wu ² fa ³ r(e ³)n sho ⁴ u d(e) sh(e ⁴) shi ⁴ wu ² fa ³ unable, n/ capable r(e ³)n sho ⁴ ubare, endure sh(e ⁴) shi ⁴ celcius
33度 降 到了 可以 接 受的 25 度, 33 du ⁴ jia ⁴ ng da ⁴ o l(e) k(e ³) yi jie ¹ sho ⁴ u d(e) 25 du ⁴ , du ⁴ centigrade

我们 这些 学生 终于 能够	wo ³ m(e ²)n zh(e ⁴) xie ¹ xu ² e sh(e ¹)ng zho ¹ ng yü ² n(e ²)ng go ⁴ u zho ¹ ng yü ² in the end, finally n(e ²)ng go ⁴ u to be able to
透口气了.	to ⁴ u ko ³ u qi ⁴ l(e). to ⁴ u ko ³ u qi ⁴ to have relief
太阳 终于 出来了, 尽管 烟雾	ta ⁴ i ya ² ng zho ¹ ng yü ² chu ¹ la ² i l(e), ji ⁴ n gu ³ an ya ¹ n wu ⁴ ta ⁴ i ya ² ng the sunshine chu ¹ la ² i indicating outward movement ji ⁴ n gu ³ an to feel free, n/ hesitating
还是 让人 看不清 前方.	ha ⁴ i sh(i ⁴) ra ⁴ ng r(e ²)n ka ⁴ n bu ⁴ qi ¹ ng qiä ² n fa ¹ ng. ya ¹ n wu ⁴ the smoke, mist, smog ra ⁴ ng to give way qiä ² n fa ¹ ng ahead, in front
哈, 更 满意的 是 街上 居然	ha ¹ , g(e ⁴)ng ma ³ n yi ¹ d(e) sh(i ⁴) jie ¹ sha ⁴ ng ju ¹ ra ² n ma ³ n yi ¹ stisfied ju ¹ ra ² n given
没有 炸弹, 不会 友 睬上的	me ² i yo ³ u zha ⁴ da ⁴ n, bu ⁴ hu ⁴ i yo ³ u ca ³ i sha ⁴ ng d(e) zha ⁴ da ⁴ n the dumpling ca ³ i to pay attention
危险. 在 外边 吃饭 好 便宜,	we ¹ i xiä ³ n. za ⁴ i wa ⁴ i biä ¹ n ch(i ¹) fa ⁴ n ha ³ o piä ² n yi ² , we ¹ i xiä ³ n the danger risk
大概 20 元 就能 喂 饱 你的 肚子了	da ⁴ ga ⁴ i 20 yua ² n jiu ⁴ n(e ²)ng we ⁴ i ba ³ o ni ² d(e) du ⁴ z(i ³) l(e) we ⁴ i hi, hello ba ³ o to wrap du ⁴ z(i ³) the stomach
[可能 有 不少 味精]	k(e ³) n(e ²)ng yo ³ u bu ⁴ sha ³ o we ⁴ i ji ¹ ng. we ⁴ i ji ¹ ng MSG
当然, 在 城里 也有一些 和	da ¹ ng ra ² n, za ⁴ i ch(e ²)ng li ³ ye ³ yo ³ u yi ¹ xie ¹ h(e ²) da ¹ ng ra ² n w/o doubt, of course
萨尔茨堡 一样 贵的 有着 精美	sa ⁴ (e ³)r c(i ¹) ba ³ o yi ¹ ya ⁴ ng gu ⁴ i d(e) yo ³ u zh(e) ji ¹ ng me ³ i yi ¹ ya ⁴ ng the same, equally, alike ji ¹ ng me ³ i exquisite, elegant
食品的地方, 欧洲 牌子的	sh(i ²) pi ³ n d(e) di ⁴ fa ¹ ng, o ¹ u zho ¹ u pa ² i z(i ³) d(e) sh(i ²) pi ³ n foodstuff, food pa ² i z(i ³) the brand(name)
小汽车 停在 餐厅 前面,	xia ³ o qi ⁴ ch(e ¹) ti ² ng za ⁴ i ca ¹ n ti ¹ ng qiä ² n miä ⁴ n, ti ² ng to stop, cease, halt k(e ³) n(e ²)ng probably zuo ⁴ f(e ⁴)ng way of life
可能 这是 中国人的 作风,	k(e ³) n(e ²)ng zh(e ⁴) sh(i ⁴) zho ¹ ng guo ² r(e ²)n d(e) zuo ⁴ f(e ⁴)ng, k(e ⁴) r(e ²)n guest
客人们 用一 大笔的 钱	k(e ⁴) r(e ²)n m(e ²)n yo ⁴ ng yi ¹ da ⁴ bi ³ d(e) qiä ² n bi ³ measure word di ⁴ ng to order
订了 他们 根本 吃 不了的 菜.	di ⁴ ng l(e) ta ¹ m(e ²)n g(e ¹)n b(e ³)n ch(i ¹) bu ⁴ lia ³ o d(e) ca ² i. g(e ¹)n be ³ n basically, really
而 我只 花了 8 块钱 就用 包子	(e ²)r wo ³ zh(i ¹) hua ¹ l(e) 8 kua ⁴ i qiä ¹ n jiu ⁴ yo ⁴ ng ba ¹ o z(i ³) (e ²)r but ba ¹ o z(i ³) steamed stuffed buns
把 肚子 填 饱了.	ba ³ du ⁴ z(i ³) tiä ² n ba ³ o l(e). du ⁴ z(i ³) stomach tiä ² n to fill ba ³ o l(e) to be full
"北外" 在 北京 城的 东北边, 从	be ³ i wa ⁴ i za ⁴ i be ³ i ji ¹ ng ch(e ²)ng d(e) do ¹ ng be ³ i biä ¹ n, co ² ng

市 中心 坐 出租车 要 40 分钟. sh(i ⁴) zho ¹ ng xi ¹ n zuo ⁴ chu ¹ zu ¹ ch(e ¹) yao ⁴ 40 f(e ¹)n zho ¹ ng.
让 我们 谈谈 中文 课 吧! ra ⁴ ng wo ³ m(e ²)n ta ² n ta ² n zho ¹ ng w(e ⁴)n k(e ⁴) ba! ra ⁴ ng to let, allow
它 还 没有 那么 深 但是 如果 照 ta ¹ ha ² i me ² i yo ³ u na ⁴ m(e) sh(e ⁵)n, da ⁴ n sh(i ⁴) ru ² guo ³ zha ⁴ o na ⁴ m(e) like that, so sh(e ¹)n difficult
这 样 的 进 度, 很 快 就 得 努 力 了. zh(e ⁴) ya ⁴ ng d(e) ji ⁴ n du ⁴ , h(e ³)n kua ⁴ i jiu ⁴ d(e) nu ³ li ⁴ l(e). ya ⁴ ng the style, pattern ji ⁴ n du ⁴ rate of progress h(e ³)n kua ⁴ i quickly
我 们 再 看 吧, 如 果 不 够 有 wo ³ m(e ²)n za ⁴ i ka ⁴ n ba, ru ² guo ³ bu ² go ⁴ u yo ³ u go ⁴ u sufficient, adequate tia ³ o zha ⁴ n the challenge
挑 战 的 话, 还 可 以 换 课 程. tia ³ o zha ⁴ n d(e) hua ⁴ , ha ² i k(e ³) yi ³ hua ⁴ n k(e ⁴) ch(e ²)ng. hua ⁴ n the exchange k(e ⁴) ch(e ²)ng the lesson, course
大 学 校 园 很 大, 我 离 开 房 间 da ⁴ xue ² xia ⁴ o yua ² n h(e ³)n da ⁴ , wo ³ li ² ka ¹ i fa ² ng jia ¹ n xia ⁴ o yua ² n the campus li ² ka ¹ i to leave xu ¹ yao ⁴ to need, require
需 要 20 分 钟 的 时 间 才 到 教 室. xu ¹ yao ⁴ 20 f(e ¹)n zho ¹ ng d(e) sh(i ²) jia ¹ n ca ² i dao ⁴ jia ⁴ o sh(i ⁴).
课 从 早 上 八 点 种 开 始 一 直 k(e ⁴) co ² ng za ³ o sha ⁴ ng ba ¹ dia ² n zho ¹ ng ka ¹ i sh(i ³) yi ¹ zh(i ²) yi ¹ zh(i ²) straight, continuously
到 中 午, 下 午 是 专 门 给 奥 地 利 dao ⁴ zho ¹ ng wu ³ , xia ⁴ wu ³ sh(i ⁴) zhua ¹ n m(e ²)n ge ³ i ao ⁴ di ⁴ li ⁴
学 生 开 的 特 殊 课 程. xue ² sh(e ¹)ng ka ¹ i d(e) t(e ⁴) shu ¹ k(e ⁴) ch(e ²)ng. t(e ⁴) shu ¹ special, particular k(e ⁴) ch(e ²)ng the lesson, course
我 们 的 宿 舍 楼 其 实 不 象 宿 舍, wo ³ m(e ²)n d(e) su ⁴ sh(e ⁴) lo ² u qi ² sh(i ²) bu ⁴ xia ⁴ ng su ⁴ sh(e ⁴), sh(i ²) solid ch(e ¹)ng to call, name
可 以 称 的 上 二 星 级 旅 馆 了. k(e ³) yi ¹ ch(e ¹)ng d(e) sha ⁴ ng (e ⁴)r xi ¹ ng ji ² lu ³ gua ³ n l(e). xi ¹ ng star ji ² level, rank, grade lu ³ gua ³ n the hotel
那 是 设 备 其 全 的 单 人 房, na ⁴ sh(i ⁴) sh(e ⁴) be ⁴ i qi ² qua ² n d(e) da ¹ n r(e ²)n fa ² ng, sh(e ⁴) be ⁴ i the facilities, equipment qi ² he, she, it, they da ¹ n r(e ²)n fa ² ng a single room
有 浴 室, 电 视 机. yo ³ u yu ⁴ sh(i ⁴), dia ⁴ n sh(i ⁴) ji ¹ qua ² n whole, entire yu ⁴ sh(i ⁴) the bathroom
我 住 在 第 十 七 层 楼. wo ³ zhu ⁴ za ⁴ i di ⁴ sh(i ²) qi ¹ c(e ²)ng lo ² u. c(e ²)ng the floor
如 果 没 有 烟 雾 的 话, 可 以 看 到 ru ² go ³ u me ² i yo ³ u ya ¹ n wu ³ d(e) hua ⁴ , k(e ³) yi ³ ka ⁴ n da ⁴ o ya ¹ n wu ³ the mist, smog ru ² go ³ u if, in case
非 常 精 彩 的 景 观. fe ¹ i cha ¹ ng ji ¹ ng ca ³ i d(e) ji ³ ng gua ⁴ n. ji ¹ ng ca ³ i brilliant, splendid ji ³ ng gua ⁴ n landscape

第二段

di⁴ (e⁴)r dua⁴n

上个星期天 我们 游览了
sha⁴ng g(e) xi¹ng qi² tiā¹n wo³ m(e²)n yo²u la³n l(e)

长城, 那是 什么 样的 一次
cha²ng ch(e²)ng, na⁴ sh(i⁴) sh(e²)n m(e) ya⁴ng d(e) yi¹ c(i⁴)

经历 呀! 上 城墙 的时候
ji¹ng l(i⁴) ya! sha⁴ng ch(e²)ng qia²ng d(e) shi² ho⁴u,

一位 蒙古 勇士 把我们 吓坏了!
yi¹ we⁴i m(e³)ng gu³ yo³ng shi⁴ ba³ wo³ m(e²)n xia⁴ hua⁴i l(e)!

男 孩 们 勇 敢 的 保 护 着 大 叫 的,
na²n ha²i m(e²)n yo³ng ga³n d(e) ba³o hu⁴ zh(e) da⁴ jia⁴o d(e),

女 孩 们. 哈哈, 这 当 然 是 装 的,
nü³ ha²i m(e²)n. ha¹ ha¹, zh(e⁴) da¹ng ra²n sh(i⁴) zhua¹ng d(e),

这 是 他 们 赚 钱 的 方 式.
zh(e⁴) shi⁴ ta¹ m(e²)n zhua⁴ng qia²n d(e) fa¹ng sh(i⁴).

虽 然 我 们 尽 量 避 免 这 种
su¹i ra²n wo³ m(e²)n ji⁴n lia⁴ng b⁴i mia³n zh(e⁴) zho¹ng

意 外 但 还 是 掉 进 了 陷 井
yi⁴ wa⁴i, da⁴n ha²i sh(i⁴) dia⁴o ji⁴n l(e) xia⁴n ji³ng.

一 个 学 生 被 抓 住 了, 街 道 一
yi¹ g(e) xu²e sh(e¹)ng bei⁴ zhua¹ zhu⁴ l(e), jie¹ da⁴o yi¹

柄 剑 和 一 个 头 盔, 我 们 得 拍 照
bi³ng jia⁴n h(e²) yi¹ g(e) to²u ku¹i, wo³ m(e²)n de³i pa¹i zha⁴o.

突 然 这 位 蒙 古 勇 士 扭 转 了
tu¹ ra²n zh(e⁴) we⁴i m(e³)ng gu³ yo³ng sh(i⁴) niu³ zhua³n l(e)

局 面 很 快 给 我 套 上 了 行 头,
ju² mia⁴n, h(e²)n kua³i ge³i wo³ ta⁴o sha⁴ng l(e) ha²ng to²u,

让 别 人 给 我 拍 照, 拿 我 开 心.
ra⁴ng bie² r(e²)n ge³i wo³ pa¹i zha⁴o, na² wo³ ka¹i xi¹n.

我 们 听 不 懂 她 断 断 续 续 的
wo³ m(e²)n ti¹ng bu⁴ do³ng ta¹ dua⁴n dua⁴n xu⁴xu⁴ d(e)

英 文, 如 果 她 用 中 文, 或 许
yi¹ng w(e²)n, ru² gu³o ta¹ yo⁴ng zho¹ng w(e²)n, huo⁴ xu³

我 们 还 能 听 懂 一 点.
wo³ m(e²)n hai² n(e²)ng ti¹ng do¹ng yi¹ dia³n.

总 之 拍 了 五 张 照 片, 花 了 50 元.
zo³ng zhi¹ pa¹i l(e) wu³ zha¹ng zhao⁴ pia¹n, hua¹ l(e) 50 yua²n.

....
.... dua⁴n section

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

....

.... m(e³)ng gu³ mongolian
.... yo³ng sh(i⁴) the brave soldier
.... hua⁴i bad
.... ha²i a child
.... yo³ng ga³n courageous, brave
.... ba³o hu⁴ to protect, safeguard
.... zhua¹ng the outfit
.... zhua⁴ng qia²n.... to make money
.... fa¹ng sh(i⁴) the way, style
.... su¹i ra²n though
.... b⁴i mia³n to avoid
.... yi⁴ wa⁴i an unexpected event
.... dia⁴o to fall, drop, shed
.... xia⁴n ji³ng trap
.... bei⁴ indicating passive action
.... zhua¹ to seize, catch, grasp
.... bi³ng jia⁴n to handle a sword
.... to²u ku¹i a helmet
.... de³i ... to have, need, should
.... pa¹i zha⁴o to take a picture
.... tu¹ ra²n suddenly
.... m(e³)ng gu³ mongolian
.... yo³ng sh(i⁴) the brave soldier
.... niu³ zhua³n to turn around
.... ju² mia⁴n the situation
.... ha²ng ta⁴o to put on, dress
.... ha²ng to²u the costume
.... ra⁴ng to give in/up
.... bie² r(e²)n other people
.... ka¹i xi¹n to laugh at, make fun
.... dua⁴n dua⁴n xu⁴xu⁴ off & on
.... ru² gu³o if, in case
.... huo⁴ xu³ perhaps, maybe
.... zo³ng zhi¹ in short
.... pa¹i to beat
.... hua¹ to spend
.... qü²n the crowd, group

把一大群的游客甩在后边之后, ba ³ yi ¹ da ⁴ qū ² n d(e) yo ² u k(e ⁴) shua ³ i za ² i ho ⁴ u biā ¹ n zhi ¹ ho ⁴ u, yo ² u k(e ⁴) the tourist shua ³ i to get rid off, dump zhi ¹ ho ⁴ u later, after
我们终于到达了没有修好的 wo ⁵ m(e ²)n zho ¹ ng yū ² dao ⁴ da ² l(e) me ² i yo ³ u xiu ¹ ha ³ o d(e) zho ¹ ng yū ² finally dao ⁴ da ² to arrive xiu ¹ ha ³ o good repair
长城地带, 那儿的原始条件 cha ² ng ch(e ²)ng di ⁴ da ⁴ i, na ⁴ (e ⁴)r d(e) yua ² n sh(i ³) tia ² o jia ⁴ n di ⁴ da ⁴ i the zone, region yua ² n sh(i ³) uncivilized tia ² o jia ⁴ n the condition
让我们费了好大的劲儿。 ra ⁴ ng wo ³ m(e ²)n fe ⁴ i l(e) ha ³ o da ⁴ d(e) ji ⁴ n (e ⁴)r. ra ⁴ ng to give in fe ⁴ i to spend ha ³ o da ⁴ d(e) ji ⁴ n the effort
灌木打着我们的脸, 硬树枝 gua ⁴ n mu ⁴ da ³ zh(e ⁴) wo ³ m(e ²)n d(e) lia ³ n, yi ¹ ng shu ⁴ zhi ¹ gua ⁴ n mu ⁴ the bush, shrub lia ³ n the face yi ¹ ng hard, stiff, tough
刮破了我们的皮肤, 没有砌上 gua ¹ po ⁴ l(e) wo ³ m(e ²)n d(e) pi ² fu ¹ , me ² i yo ³ u qi ⁴ sha ⁴ ng shu ⁴ zhi ¹ the branch gua ¹ to scrape po ⁴ broken, worn out
石块的路长满了草, 使 sh(i ²) kua ⁴ i d(e) lu ⁴ zha ² ng ma ³ n l(e) cao ³ , sh(i ³) pi ² fu ¹ the skin qi ⁴ paved with bricks sh(i ²) kua ⁴ i the stone, rock
我们无法前进 wo ³ m(e ²)n wu ² fa ³ qia ² n ji ⁴ n. cao ³ grass, weed wu ² fa ³ unable, incapable qia ² n ji ⁴ n to advance, proceed
千辛万苦, 我们终于来到了 qia ¹ n xi ⁴ n wa ⁴ ng ku ³ , wo ³ m(e ²)n zho ¹ ng yū ² la ² i dao ⁴ l(e) ga ¹ n xi ⁴ n wa ⁴ ng ku ³ w/ great effort zho ¹ ng yū ² finally
瞭望台. 返回之前我们在 liao ² wa ⁴ ng ta ² i. fa ³ n hui ² zh(i ¹) qia ² n wo ³ m(e ²)n za ⁴ i liao ² wa ⁴ ng ta ² i the lookout fa ³ n hui ² upon returning zh(i ¹) qia ² n before
那儿休息了一会儿。 na ⁴ (e ⁴)r xiu ¹ xi ⁴ l(e) yi ⁴ hu ³ i (e ⁴)r.
为了好好回想所经历过的事, we ⁴ i l(e) ha ³ o ha ³ o hu ² i xia ³ ng suo ³ ji ⁴ ng li ⁴ guo ⁴ d(e) sh(i ⁴), suo ³ the place sh(i ⁴) the matter, affair
在回北京的路上, 我们又在 za ⁴ i hu ² i be ³ i ji ¹ ng d(e) lu ⁴ sha ⁴ ng, wo ³ m(e ²)n yo ⁴ u za ⁴ i lu ⁴ sha ⁴ ng on the road
一个佛殿里停留了一下, 就是为了 yi ¹ g(e) fo ² dia ⁴ n li ³ ti ² ng li ² u l(e) yi ¹ xia ⁴ , jiu ⁴ sh(i ⁴) we ⁴ i l(e) fo ² dia ⁴ n temple of Buddha
沉思, 沉思, 在沉思.... ch(e ²)n s(i ¹), ch(e ²)n s(i ¹), za ⁴ i ch(e ²)n s(i ¹) ch(e ¹)n s(i ¹) to meditate
<p>第三段 di⁴ sa¹ n dua⁴ n</p>	
在北京一切都照计划进行着。 za ⁴ i be ³ i ji ¹ ng yi ¹ qie ⁴ do ¹ u zhao ⁴ ji ⁴ hua ⁴ ji ⁴ ng xi ² ng zh(e ⁴). yi ¹ qie ⁴ all, everything ji ⁴ n xi ² ng in progress, under way
那天我们去了故宫。 na ⁴ tia ¹ n wo ³ m(e ²)n qu ⁴ l(e) gu ⁴ go ¹ ng. gu ⁴ go ¹ ng the old palace
一次又不寻常, 又有趣的经历! yi ¹ c(i ⁴) yo ⁴ u bu ⁴ xu ² n cha ² ng, yo ⁴ u yo ³ u qu ⁴ d(e) ji ⁴ ng li ⁴ ! xu ² n cha ² ng ji ⁴ ng li ⁴ the experience

当 我们 穿过 第三 道门 进入
da¹ng wo³ m(e²)n chua¹n guo⁴ di⁴ sa¹n dao⁴ m(e²)n ji⁴n ru⁴

紫禁城的 时候, 一群 治安人员
z(i³) ji⁴n ch(e²)ng d(e) sh(i²) ho⁴u, yi¹ qü²n zhi⁴ a¹n r(e²)n yü²an

坚持 把 我们 推到 边 上的
jiä¹n ch(i²) ba³ wo³ m(e²)n tui¹ dao² biä¹n sha²ng d(e)

一个 地方, 理由 是 新加坡 总理
yi¹ g(e) di⁴ fa¹ng, li³ yo²u sh(i⁴) xi¹n jia¹ po¹ zo³ng li³

正在 参观.
zh(e³)ng za⁴i ca¹n gua¹n.

根据 礼节, 这位 尊贵的 客人
ge¹n ju⁴ li³ jie², zh(e⁴) we⁴i zu¹n gui⁴ d(e) k(e²) r(e²)n

正好 在 同 一天 被 带领 到
zh(e³)ng ha³o za⁴i to²ng yi¹ tia¹n bei⁴ da⁴i li³ng dao⁴

同 一个 地点.
to²ng yi¹ g(e) di⁴ dia³n.

我们 等了 40 分钟, 终于 看
wo³ m(e²)n d(e³)ng l(e) 40 f(e⁴)n zho¹ng, zho¹ng yü³ ka⁴n

到了 所有的 东西, 差不多 欢 了
dao⁴ l(e) suo³ yo³u d(e) do¹ng xi¹, cha⁴ bu⁴ duo¹ hua¹ l(e)

整整 一 天的 时间.
zh(e³)ng zh(e³)ng yi¹ tia¹n d(e) sh(i²) jiä¹n.

中文课 如 原先 计划的 一样
zho¹ng w(e²)n k(e⁴) ru² yua¹n xiä¹n ji⁴ hua⁴ d(e) yi¹ ya⁴ng

进行 着, 但我 还是 没有 达到
ji⁴n xi²ng zh(e⁴), da⁴n wo³ ha²i sh(i⁴) me²i yo³u da² dao⁴

理 想 中的 进步
li³ xia³ng zho¹ng d(e) ji⁴n bu⁴.

我的 每天 都 填满了:
wo³ d(e) me³i tia¹n do¹u tia²n ma³n l(e):

早上 六点半 是 太极拳, 然后
zao³ sha⁴ng liu⁴ dia³n ba⁴n sh(i⁴) tai⁴ ji² qua²n, ra²n ho⁴u

四个 小时的 语言课 一直 到
s(i⁴)g(e) xiao³ sh(i²) d(e) yü³ ya²n k(e⁴) yi¹ zh(i²) dao⁴

中午
zho¹ng wu³;

午餐后 是 中国文学, 绘画,
wu³ ca¹n hu⁴ sh(i⁴) zho¹ng guo² w(e²)n xue², hui⁴ hua⁴,

....
.... chua¹n to penetrate
.... ji⁴n ru⁴ to enter

....
.... z(i³) ji⁴n ch(e²)ng forbidden city
.... qü²n zhi⁴ a¹n r(e²)n yü²an the staff in charge

....
.... jiä¹n ch(i²) to insist on
.... tui¹ to push

....
.... li³ yo²u the reason
.... xi¹n jia¹ po¹ ... singapore
.... zo³ng li³ the prime minister

....
.... ge¹n ju⁴ accordingly
.... li³ jie² the protocol

....
.... zu¹n gui⁴ honored

....
.... zh(e³)ng ha³o just in time

....
.... to²ng same, likewise
.... bei⁴ indicating passive tense
.... da⁴i li³ng to guide, lead
.... di⁴ dia³n the site

....
.... zho¹ng yü³ in the end

....
.... suo³ yo³u everything
.... hua¹ to spend

....
.... zh(e³)ng zh(e³)ng whole, entire

....
.... ru² accordingly
.... yua¹n xiä¹n originally
.... ji⁴ hua⁴ the plan

....
.... yi¹ ya⁴ng equally, alike
.... ji⁴n xi²ng in progress, under way
.... da⁴n nevertheless

....
.... da² dao⁴ to achieve
.... ji⁴n bu⁴ the improvement

....
.... ma³n filled, packed

....
.... ra²n ho⁴u afterwards

....
.... yü³ ya²n k(e⁴) language class
.... yi¹ zh(i²)

....
....

....
.... wu³ ca¹n hu⁴ after lunch
.... hui⁴ hua⁴ painting

